TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41**/2019/DS-ST
Ngày: 09/8/2019
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thanh Thúy
2. Bà Nguyễn Thị Hiền

Thư ký phiên tòa: ông Phạm Đình Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Ngày 09/8/8019 Tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐST- DS ngày 25/6/2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Trụ sở: phường L, Quận Đ, thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: phường 7, Quận P, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- chủ tịch Hội đồng Quản Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Mạnh L, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: đường Cao Thắng ,phường 4, Quận 3, thành phố H.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1970 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú tại: khu phố Bình Lợi, phường 6, thành phố B, tỉnh T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Lưu Văn T, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của ông T: bà Nguyễn Thị Q sinh năm 1970 (có mặt)

Trú tại: khu phố Bình Lợi, phường 6, thành phố B, tỉnh T. (theo văn bản ủy quyền ngày 02/5/2019)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2019, bản tự khai cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V ông Bùi Mạnh L trình bày:

Vào năm 2017 bà Nguyễn Thị Q và Ngân hàng TMCP V - CN Hồ Chí Minh có ký hợp đồng vay vốn tín dụng số: 20170719-0005700 ngày 14/7/2017 ngày giải ngân hợp đồng là ngày 20/7/2017, theo hợp đồng bà Q vay của ngân hàng số tiền 52.500.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 42% 1 năm (3,5%/1 tháng), hình thức vay tín chấp, theo thỏa thuận trong hợp đồng thì hàng tháng bà Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi suất. Bà Q thanh toán được 01 tháng số tiền 2.607.932 đồng thì ngừng không tiếp tục thanh toán, Ngân hàng đã yêu cầu bà Q thanh toán số tiền đã vay, đến thời điểm khởi kiện tổng số tiền bà Q còn nợ Ngân hàng là:100.773.035 đồng trong đó vốn gốc 52.500.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền bà Q đã thanh toán được một kỳ là 2.607.932 đồng, dư nợ gốc còn nợ lại là 51.909.479 đồng, lãi trong hạn: 45.521.314 đồng, lãi quá hạn 20.984.407 đồng (tính trên 150% lãi trong hạn, thời gian tính từ ngày 16/9/2019 đến ngày 9/8/2019, số ngày vi phạm là 751 ngày). Dư nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn số tiền là: 66.505.721đồng. Sau khi trừ đi số tiền bà Q đã thanh toán được một kỳ là 2.017.411 đồng. Tổng số tiền vợ chồng bà Q còn nợ Ngân hàng cả vốn gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 09/8/2019 số tiền là 116.397.789 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà Q, ông Lưu Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số tiền trên, Ngân hàng yêu cầu tiếp tục trả lãi số tiền theo thỏa thuận trong hợp đồng, trên cho đến khi vợ chồng bà Q trả dứt nợ. Ngoài ra Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác .

Bị đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà đồng ý với lời trình bày của đại diện Ngân hàng, đồng ý còn nợ số tiền là 116.397.789 đồng, yêu cầu được trả hàng tháng, đồng ý tiếp tục chịu lãi như thỏa thuận cho đến khi trả dứt nợ. Nhưng yêu cầu được trả nhiều lần hàng tháng vì hiện tại hoàn cảnh kinh tế của bà quá khó khăn. Nguyên nhân bà chậm thanh toán nợ cũng có phần lỗi của Ngân hàng, trước đây, bà vay Ngân hàng số tiền 52.500.000 đồng để mở quán ăn nhưng làm ăn không thuận lợi, bà bị phỏng dầu chiên và phải nằm điều trị ở bệnh viện hơn một tháng, sau khi khỏi bệnh bà đã chủ động lên Sài Gòn gặp cán bộ ngân hàng xin được tạo điều kiện tiếp tục trả nợ vay, nhưng phía Ngân hàng không đồng ý tạo điều kiện cho bà trả dần mà yêu cầu thanh toán một lần cho vi phạm nghĩa vụ trả nợ.,thời điểm đó do bà không có khả năng kinh tế nên sự việc kéo dài đến khi Ngân hàng kiện bà. .

Bà đã ly thân với ông T từ thời điểm trước khi bà bỏ địa phương lên Sài Gòn làm ăn, khi bà vay số tiền này Ngân hàng hoàn toàn không yêu cầu ông T phải cùng bà ký kết hợp đồng vì nếu phía Ngân hàng có yêu cầu bà phải hỏi ý kiến ông T hoặc ông T phải ký tên đồng ý cùng vay thì bà sẽ không vay được số tiền vì từ khi ly thân vợ chồng bà độc lập kinh tế với nhau từ nhiều tháng trước đó, bà Q vay

số tiền này là để làm ăn riêng, ông T hoàn toàn không biết. Số tiền này chỉ một mình cá nhân bà vay nên bà đồng ý một mình bà trả nợ, không đồng ý yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông T cùng liên đới trách nhiệm.

Ngoài ra bà Q không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lưu Văn T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về quan hệ tranh chấp:*Theo nội dung đơn khởi kiện,vào khoảng thời gian năm 2017 Ngân hàng TMCP V và bà Nguyễn Thị Q có giao kết với nhau hợp đồng số 2017 0719-0005700 ngày 20/7/2017.Theo hợp đồng bà Q vay số tiền 52.500.000 đồng, bà Q chỉ trả nợ gốc được một lần và không thực hiện đúng thỏa thuận là có nghĩa vụ trả lãi và vốn gốc cho Ngân hàng, do bà Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu bà Q phải trả số tiền còn nợ. Về bản chất hợp đồng tín dụng chính là hợp đồng vay nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, được xem xét theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Nội dung tranh chấp*:Theo lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, theo giấy đăng ký vay tiêu ngày 20/7/2017 đã ký kết giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Q, thể hiện bà Q đã vay của ngân hàng số tiền 52.500.000 đồng nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi hàng tháng cho Ngân hàng từ đó các bên xảy ra tranh chấp.

[3] *Xét yêu cầu của Ngân hàng* về *việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Q trả số tiền nợ vay*, chứng cứ Ngân hàng yêu cầu bà Q trả số tiền trên là giấy đăng ký vay vốn ngày 20/7/2017.

[3.1].Xét giấy vay tiền số 2017 0719-0005700 ngày 20/7/2017 và văn bản xác nhận ngày 14/7/2017.

Xét về hình thức, giấy đăng vay tiêu dùng kiêm kế ước nhận nợ ngày 20/7/2017 do Ngân hàng cung cấp và theo lời khai của nguyên đơn thì hợp đồng này do cán bộ tín dụng đại diện Ngân hàng xác lập với bà Q vào thời điểm bà yêu cầu vay vốn tại Ngân hàng. Hội đồng xét thấy, về hình thức giao dịch của hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự 2015.

Xét về nội dung, giấy đăng ký vay tiêu dùng và văn bản xác nhận ngày 14/7/2017 kiêm kế ước nhận nợ ngày 20/7/2017 thể hiện bà Q yêu cầu vay vốn tín

dụng hình thức là vay tiền tại Ngân hàng số tiền vay 52.500.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, làm ăn , thời hạn vay là 36 tháng với mức lãi suất 42% trên 1 năm (3,5%/ 1 tháng), hình thức vay tín chấp.Qua thẩm tra chứng cứ và lời thừa nhận của bà Q tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định giao dịch giữa Ngân hàng và bà Q là có thật, nội dung hai bên giao kết không trái với quy định tại Điều 385 Bộ luật Dân sự 2015. Căn cứ vào bảng sao kê thẻ tín dụng từ ngày 16/9/2017 đến tháng 09/8/2019 do nguyên đơn cung cấp và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, thể hiện, bà Nguyễn Thị Q còn nợ số tiền là 51.909.479 đồng theo hợp đồng ngày 20/7/2017.

[3.2]. Đối với phần lãi suất Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính theo hợp đồng mà hai bên đã giao kết, lãi suất tạm tính đến 09/8/2019 dư nợ lãi 64.488.310 đồng, theo giấy đăng ký vay tiêu dùng kiêm kế ước nhận nợ ngày 20/7/2017. Hội đồng xét thấy, bà Nguyễn Thị Q và Ngân hàng đã ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, tự thỏa thuận, bà Q vi phạm nghĩa vụ trả lãi thì phải có nghĩa vụ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, do đó yêu cầu về lãi suất của Ngân hàng là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 468 luật dân sự 2015 nên được chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị Q phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận đã giao kết thì phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng cụ thể như sau:

Lãi trong hạn: 45.521.314đồng

Lãi quá hạn: 20.984.407 đồng (tính trên 150% lãi trong hạn, thời gian tính từ ngày 16/9/2019 đến ngày 9/8/2019, số ngày vi phạm là 751 ngày)

Dư nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn số tiền là: 66.505.721đồng.

Hai bên nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất kể từ thời điểm vay cho đến ngày khởi kiện bà Q chỉ thanh toán một lần số tiền 2.017.411 đồng. Do đó, cần phải trừ đi số tiền đã thanh toán được một kỳ 2.017.411 đồng.Tổng số tiền bà Q còn nợ Ngân hàng cả vốn gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 09/8/2019 số tiền là 116.397.789 đồng nên phải có nghĩa vụ thanh toán nợ vay và lãi phát sinh là phù hợp vớiqui định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với phần yêu cầu tiếp tục trả lãi, kể từ ngày 09/8/2019 bà Nguyễn Thị Q phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoảng nợ gốc số tiền 51.909.479 đồng, theo dư nợ giảm dần tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong khoảng tiền nợ 51.909.479 đồng, theo mức lãi suất nợ quá hạn chậm thanh toán mức lãi suất là 3,5%/1 tháng, yêu cầu về lãi suất của Ngân hàng không vi phạm qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân Sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[3.3].Xét về trách nhiệm liên đới trả nợ vay của chồng bà Nguyễn Thị Q.

Ngân hàng yêu cầu ông Lưu Văn T là chồng của bà Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ cùng bà Q, ông T phải có trách nhiệm liên đới trong giao dịch do một bên vợ chồng xác lập. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa bà Q thừa nhận tiền vay bà sử dụng vào mục đích làm ăn riêng cho cá nhân bà, khi giao dịch vay vốn với Ngân hàng, phía Ngân hàng không yêu cầu ông T cùng ký tên vào hợp đồng vay vì nếu Ngân hàng có yêu cầu trên bà sẽ không vay được vì từ đầu năm 2017 bà và ông T đã sống ly thân, bà không còn sinh sống ở địa phương mà đã bỏ lên Sài Gòn làm ăn, số tiền bà vay không sử dụng chung trong kinh tế gia đình, lời khai của bà Q phù hợp với nội dung xác nhận của công an phường 6, thành phố Bến Tre là từ tháng 6/2017 bà Q không sinh sống tại địa phương do đó có cơ sở khẳng định bà Q đã nợ số tiền trên là của riêng cá nhân bà Q. Mặt khác, giấy vay tiền ngày 20/7/2019 và văn bản ngày 14/7/2019 không thể hiện có văn bản hay chứng cứ gì thể hiện ý chí của ông T khi bà Q và Ngân hàng giao kết hợp đồng bà Q cũng nhận trách nhiệm, cá nhân bà tự chịu trách nhiệm số tiền đã vay, do đó không có căn cứ buộc trách nhiệm liên đới đối với ông Lưu Văn T theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm*:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 5.819.000 đồng (*năm triệu tám trăm mười chín ngàn đồng*)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 119;385;463;466;468 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Buộc bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 2017 0719-0005700 ngày 20/7/2017.Trong đó, số tiền dư nợ gốc là 51.909.479 đồng, dư nợ lãi số tiền

64.488.310 đồng. Tổng số tiền phải trả là 116.397.789 đồng (*một trăm mười sáu triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn bảy trăm tám mươi chín đồng.*

Kể từ ngày 10/8/2019 bà Nguyễn Thị Q phải tiếp tục chịu lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng đối với khoảng nợ gốc 51.909.479 đồng theo dư nợ giảm dần tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong số tiền dư nợ gốc 51.909.479 đồng.

Đối với số tiền dư nợ lãi tổng cộng 64.488.310 đồng thì kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V về việc buộc trách nhiệm liên đới nghĩa vụ trả nợ đối với ông Lưu Văn T

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị Q phải nộp là 5.819.000 đồng (*năm triệu tám trăm mười chín ngàn đồng*)

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 2.520.000 đồng (*hai triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng*) cho Ngân hàng thương mại cổ phần V theo biên lai thu số 0002574 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Lan